

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **282/2020/DS-ST**

Ngày: 21/9/2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Trung Trực**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Giang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-DS ngày 17/6/2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2020/QĐXX-ST ngày 18/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 237/QĐST-DS ngày 11/9/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: **Ngân hàng A**

Trụ sở: số 266-268, đường O, phường N, Quận H, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch B**- Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn C**- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A.

Người được ủy quyền lại: Chị **Trần Song Hạ D**- Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch F (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020).

* **Bị đơn**: Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Y, xã S, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, Bản khai và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A trình bày: Vào ngày 18/01/2018, Ngân hàng A có cho bà Đặng Thị M vay số tiền 50.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 00821-00410, lãi suất là 30%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm, phương thức thanh toán là vốn lãi góp đều hàng ngày, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh ăn uống vì bà M buôn bán đồ ăn tại chợ. Trong quá trình vay vốn từ ngày 18/01/2018 bà M đã thanh toán vốn lãi theo Hợp đồng đến ngày 08/8/2018 và kể từ đó đến nay bà M ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở tạo điều kiện cho bà M thanh toán nhưng bà M vẫn không có thiện ý trả nợ. Khi ngân hàng khởi kiện bà M tại Tòa án thì bà M có thanh toán cho ngân hàng số tiền 890.500 đồng được trừ tiếp vào các kỳ tiếp theo như hợp đồng. Đến hết ngày 05/8/2020 bà M đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 27.550.700 đồng, tiền lãi là 2.548.200 đồng. Tính đến ngày 05/8/2020 bà M còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 21.558.800 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là **12.453.300 đồng**. Tổng số tiền bà Đặng Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng tạm tính đến ngày 05/8/2020 là **34.012.100 đồng**.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà M phải thanh toán cho Ngân hàng vốn còn lại là 21.558.800 đồng, tiền lãi theo hợp đồng còn lại là **12.453.300 đồng**, thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày 05/8/2020 nếu bà M chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền lãi và lãi chậm phát sinh của Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

* Bị đơn bà Đặng Thị M từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng bà M vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng A thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện vì bà Đặng Thị M có thanh toán vào ngày 18/9/2020 số tiền 1.068.600 đồng. Như vậy đến hết ngày 18/9/2020 bà M còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 20.490.200 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là **12.453.300 đồng**. Tổng số tiền bà Đặng Thị M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng tạm tính đến ngày 21/9/2020 là **32.943.500 đồng**. Yêu cầu bà M phải trả số tiền trên khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu bà M không thanh toán cho ngân hàng thì yêu cầu bà M phải trả lãi tiếp tục theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện X đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng qui định. Quá trình tố tụng, bà Đặng Thị M vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, do đó Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Về các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và căn cứ giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng Ngân hàng A có vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn mua bán. Sau khi nhận được tiền từ Ngân hàng giải ngân bà Đặng Thị M đã đóng cho Ngân hàng tính đến ngày 08/8/2018 và kể từ đó đến nay bà M ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Khi ngân hàng khởi kiện bà M tại Tòa án thì bà M có thanh toán cho Ngân hàng số tiền 890.500 đồng, và 1.068.600 đồng được trừ tiếp vào các kỳ tiếp theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 21/9/2020 bà M còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 20.490.200 đồng, tiền lãi theo hợp đồng là **12.453.300** đồng. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị M phải có nghĩa vụ trả số tiền 32.943.500 đồng thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về Điều luật áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 468, khoản 2 Điều 470, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc bà Đặng Thị M trả cho Ngân hàng A số tiền vốn gốc là 20.490.200 đồng (hai mươi triệu bốn trăm chín mươi ngàn hai trăm đồng), tiền lãi theo hợp đồng là **12.453.300** đồng (mười hai triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn ba trăm đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà M chậm thực hiện theo nội dung quyết định này thì hàng tháng bà M còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Bà Đặng Thị M phải nộp 1.647.175 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm bảy mươi lăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 872.600 đồng (tám trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm đồng) theo biên lai số 0003853 ngày 16/6/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện X.

Ngân hàng A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà M có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng